

Challenges and dilemmas: fieldwork with upland minorities in socialist Vietnam, Laos and southwest China

Sarah Turner

Asia Pacific Viewpoint, 2010, 51:2, pp 121-134. © 2010 The Author.

Những thách thức và tình thế tiến thoái lưỡng nan: Điền dã ở các tộc người thiểu số tại Việt Nam, Lào và Tây Nam Trung Quốc

Tác giả: Sarah Turner, Khoa Địa lý, Đại học McGill University, Montréal, Canada. Email: turner@geog.mcgill.ca

Người dịch: TS. Nguyễn Thị Hiền.

Tóm tắt: Ở vùng cao của Lào, Việt Nam và Trung Quốc thuộc Đông Nam Á có hơn 80 triệu người thuộc các dân tộc thiểu số sống rải rác ở các khu vực chính trị và địa lý khác nhau. Gần đây họ mới được các nhà nghiên cứu nước ngoài quan tâm. Nghiên cứu khoa học xã hội về các dân tộc ít người ở vùng này được khắc họa bởi một loạt các thách thức và thương thảo. Những vấn đề này đã đưa các nhà khoa học phương Tây và nghiên cứu sinh sau khi làm nghiên cứu điền dã từ lĩnh vực nhân học xã hội và địa lý nhân văn, những người đã làm nghiên cứu điền dã về các dân tộc thiểu số ở vùng cao Tây Nam Trung Quốc, miền Bắc Việt Nam và Nam Lào đến với nhau. Các bài viết trong số tạp chí này cung cấp những thông tin sâu sắc về những nỗ lực và những rào cản mà họ đối đầu trong khi làm nghiên cứu điền dã, đưa ra một cách hiểu về bối cảnh lịch sử của nghiên cứu điền dã ở những nước này. Trong bối cảnh đặc biệt này, mà ngày nay có sự đan xen tự do kinh tế với nền chính trị độc tài và tập trung, các tác giả khám phá những vấn đề như việc họ đã thương lượng và khéo léo tiếp cận với những tiếng nói khác nhau của các tộc người thiểu số trong môi trường có những đặc tính văn hóa phức tạp. Những thách thức về đạo đức và phương pháp luận trong các bài viết sẽ là những cách nhìn nhận sâu sắc đối với các học giả khác để tiến hành nghiên cứu điền dã ở những khu vực ngoài lề xã hội chủ nghĩa ở vùng núi Đông Nam Á và những nơi khác. Tôi sẽ giới thiệu bối cảnh cụ thể này trong bài viết và tiếp theo là tôi bình luận về những tư liệu liên quan đến các chủ đề chính mà các tác giả trong số này đề cập tới.

Từ khóa: Trung Quốc, dân tộc thiểu số, điền dã, Lào, vùng núi Đông Nam Á, Việt Nam.

Những chủ đề trung tâm của số tạp chí đặc biệt này kết nối những vấn đề chuyên môn, chính trị và riêng tư cùng với nhau đối với tất cả sự lộn xộn, sự nhượng bộ và tình thế khó xử về mặt đạo đức mà chúng hình thành nên trong quá trình nghiên cứu điền dã khoa học xã hội ở Bán cầu Nam. Tất cả những điều này thậm chí còn đưa đến một sự thật trần trụi bởi những bối cảnh cụ thể xung quanh cuộc sống hàng ngày và thực hành ở Trung Quốc, Việt Nam và Lào, đặc biệt là đối với các dân tộc thiểu số. Các nhà địa lý nhân văn và các nhà nhân học xã hội viết bài trong số đặc biệt này đều liên quan đến việc nghiên cứu với các dân tộc thiểu số ở châu Á xã hội chủ nghĩa, dù họ là nghiên cứu sinh hay giáo sư. Tất cả chúng ta đều nghiên cứu điền dã trong thời gian dài, hoặc những đợt điền dã liên tiếp, hay các chuyến đi lặp đi lặp lại, và những chuyến đi một phần phản ánh thực tế nghiên cứu điền dã ở các nước xã hội chủ nghĩa. Mỗi bài viết ở đây mang đến những giá trị tiêu biểu của các tác giả nghiên cứu điền dã và những vấn đề mà tính chủ quan của họ nhằm tới cũng như những tranh luận về việc thể hiện “người khác” như thế nào và tầm quan trọng của tính phản thân trong nghiên cứu khoa học xã hội. Trong khi làm như vậy, chúng ta không sợ đề cập đến những sai lầm mà chúng ta mắc phải trong suốt quá trình và những điều bổ ích mà chúng ta có thể có được. Chúng ta hy vọng rằng số tạp chí này có thể coi như là bản đồ chỉ đường, cung cấp những định hướng để giúp cho các nhà nghiên cứu trẻ giảm nhẹ gánh nặng, hay những người có kinh nghiệm hơn về lĩnh vực nào đó, nhưng lại là những người mới nghiên cứu ở vùng này. Những trải nghiệm điền dã của họ, về phần mình cho phép làm giàu thêm và có nghĩa hơn trong việc đối đầu và những tương tác trong nghiên cứu điền dã. Chủ đề chính của số tạp chí đặc biệt này liên quan đến tình thế khó xử phát sinh, sự thương thảo mà người ta cần phải tiến hành và những giải pháp có thể khi tiến hành nghiên cứu thực tế về các dân tộc thiểu số ở Trung Quốc, Việt Nam, Lào xã hội chủ nghĩa. Trong khi các thuật ngữ xã hội chủ nghĩa và hậu xã hội chủ nghĩa thường được dùng thay thế cho nhau trong mối quan hệ với nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Nhân dân Lào, có một sự khác nhau quan trọng về mặt chính trị với Đông Âu thời kỳ hậu xã hội chủ nghĩa và Liên bang Xô Viết cũ, mà ở đó chủ nghĩa xã hội chủ nghĩa bị sụp đổ từ cuối những năm 80 của thế kỷ XX, chuyển sang giai đoạn hội nhập kinh tế thị trường và tư bản chủ nghĩa một cách nhanh chóng. Những cải cách kinh tế diễn ra từ từ hơn ở Trung Quốc (bắt đầu từ năm 1978), Việt Nam (bắt đầu từ năm 1986) và Lào (1986), trong khi các chính phủ xã hội chủ nghĩa trong cả ba nước vẫn còn duy trì chặt chẽ chính quyền trung ương tập trung, giám sát về mặt chính trị và có một Đảng duy nhất. Phản ánh về bản chất chính trị và nhấn mạnh những khác biệt với châu Âu hậu xã hội chủ nghĩa, trong vấn đề này chúng ta tiếp tục bàn đến Trung Quốc, Việt Nam, Lào như là các nước xã hội chủ nghĩa. Công việc cụ thể hơn là những cái liên quan đến hiện thực hàng ngày mà các dân tộc ở vùng cao trong ba nước này tiếp tục trải nghiệm. Những người địa

phương tham gia vào dự án nghiên cứu của chúng tôi không nhất thiết là những người có quyền lực chính trị hay giàu có, cũng không phải là những nạn nhân thụ động của bối cảnh đang thay đổi mà ở đó có sự đan xen giữa sự mở rộng tự do với nền chính trị độc tài và tập trung. Kết quả cho thấy, họ thậm chí đặt vấn đề về “quyền” của những người đa số lãnh đạo ở vùng thấp; những dân tộc thiểu số này cũng đã nhận thức rõ ràng về sự mong manh của văn hóa, lịch sử và mối quan hệ xã hội. Thật không ngạc nhiên rằng các nguyên tắc xã hội chủ nghĩa ở ba nước này đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành trải nghiệm nghiên cứu điền dã ở đó. Nhiều tác giả trong số tạp chí đặc biệt này cũng làm nghiên cứu điền dã ở đâu đó, ở Indônexia, Malaixia, Ấn Độ, Thái Lan, Phillipines, các nước Đảo thái Bình Dương và ở những nơi xa xôi hơn. Những trải nghiệm nghiên cứu phong phú này giúp các tác giả phản ánh về việc các nguyên tắc xã hội chủ nghĩa tác động vào các mối quan hệ ở địa bàn, các điều kiện và quan niệm làm việc. Những tranh luận là mối quan tâm về việc làm thế nào để hình thành và giữ gìn những mối quan hệ tích cực ở địa bàn với những người cung cấp thông tin thuộc các dân tộc thiểu số (họ có thể trở thành những người bạn), những người canh gác chính trị và những nhà nghiên cứu địa phương, hay làm thế nào để đạt được và duy trì sự tin tưởng. Làm việc với các dân tộc thiểu số thường nảy sinh lòng mong muốn thiết tha muốn giúp đỡ những điều phải trái, tuân theo những tập quán địa phương, mà có lẽ trái với những điều mong muốn của các dân tộc đa số. “Sự gắn bó chuyên nghiệp” không thực sự là một sự lựa chọn hay một mục đích đối với bất kể tác giả nào, mặc dù chúng tôi cân nhắc và khám phá ra những tình huống khó xử nảy sinh để cố gắng có được sự cân bằng giữa sự thông cảm với sự quan sát và sự cân bằng giữa học thuật với sự biện hộ.

Dù sao, hãy để chúng tôi bắt đầu với những vấn đề thực tế. Để cho phép thực hiện nghiên cứu điền dã khoa học xã hội chính thức được phép trong bối cảnh chính trị đương đại ở Trung Quốc, Việt Nam, hay ở Lào, người ta cần có “dấu đỏ” hợp lệ. Bên cạnh biểu tượng chính trị trong màu đỏ này, những con dấu đỏ cần phải có trong những lá thư và sự cho phép của tất cả các cấp của bộ máy nhà nước. Những thương thảo có được dấu đỏ như vậy mất khá nhiều thời gian và phải kiên trì và có thể bị stress, đặc biệt đối với những người có ít tiền tài trợ cho nghiên cứu. Và thường xuyên, có được phép của chính quyền còn kéo theo phải có sự kết nối với một viện nghiên cứu nhà nước hay một đại học ở địa phương. Những điều mới mẻ về địa bàn nghiên cứu để có quan hệ với những đơn vị này thường thông qua “giới thiệu hay tư vấn” của các đồng nghiệp mà họ đã có những mối quan hệ từ trước. Mặc dù là có thể, nhưng không phải khi nào cũng thành công để có những cuộc gặp gỡ trực tiếp, như “tự gọi đến” một viện/trường với hy vọng là ai đó sẵn lòng giúp đỡ cho người mới đến (xem Scoggin, 1994). Thông thường, những cuộc gặp mặt tình cờ giúp mở đầu cho những mối quan hệ, như Cornet và McKinnon (trong số tạp chí này) đã đề cập đến. Có một số những lý do vì sao lại quan trọng để có giấy phép

chính thức làm nghiên cứu điền dã ở Trung Quốc (Hansen, 2006). Gros (trong số tạp chí này) lưu ý rằng anh đã nhận ra điều này ra sao trong khi ở địa bàn nghiên cứu và anh phản ánh các vấn đề phát sinh do không có sự đồng ý của chính quyền, phiên toái không chỉ cho ông ta mà còn những người mà ông ta giao tiếp với. Cũng có một khả năng đến các địa bàn nghiên cứu thông qua các tổ chức phi chính phủ (NGOs) ở địa bàn giúp đỡ cả về mặt chính quyền lẫn về mặt hậu cần. Điều này đã làm phát sinh một số sự khác biệt về mối quan tâm và những tình huống khó xử về mặt đạo đức (xem, Daviau ở trong số này), khi NGOs có những điều khoản nghiên cứu cụ thể mà họ muốn những người làm việc hay tư vấn phải theo, hay có thể yêu cầu có những tuyên bố về kết quả nghiên cứu sau khi điền dã và viết phân tích. Việc học được từ khi thực hiện các dự án, hệ thống thông tin địa lý thu thập khi đến địa bàn, hợp tác với các nhà nghiên cứu địa phương là những cách thức khác đối với nghiên cứu và nghiên cứu có thể tách xa ra khỏi kiểu nghiên cứu dân tộc học mang tính truyền thống hơn. Những cái được và cái mất để có một cách tiếp cận như vậy ở các nước xã hội chủ nghĩa, mà ở đó các nhà cầm quyền thường nghi ngờ về những người muốn làm nghiên cứu điền dã lâu như tác giả McKinnon đã đề cập đến ở trong số tạp chí này. Điều mà một người có thể cân nhắc là những khó khăn trước mắt để tới được “địa bàn”-có được một visa nghiên cứu và những giấy phép chính thức-sau đó phải làm một loạt những điều mệt mỏi và đối đầu với những chiến thuật.

Ở 3 nước này, quy trình làm nghiên cứu và thực tế đối với các nhà nghiên cứu nước ngoài ở Trung Quốc là đã được ghi chép lại tốt nhất từ trước đến nay (Ví dụ, xem Thurston và Pasternak, 1983; Curran và Cook, 1993; Rofel, 1993; Herrold, 1999; Pieke, 2000; Heimer và Thøgersen, 2006).¹ Có khá nhiều bài viết phản ánh về việc nghiên cứu điền dã ở Trung Quốc thì không gì ngạc nhiên trong điều kiện đất nước rộng lớn và sự thực Trung Quốc là đất nước “mở cửa” cho các nhà khoa học xã hội ở bên ngoài, trước Việt Nam hay Lào. Dù vậy, việc ban đầu chấp nhận cho các nhà nghiên cứu (Mỹ) vào nghiên cứu năm 1978 của Viện Khoa học Xã hội Trung Quốc, sau lại ngăn cản vào năm 1981 do trục xuất một nghiên cứu sinh Mỹ và sau đó việc nghiên cứu điền dã kiểm soát khá nghiêm ngặt trong một thời gian dài (xem Thurston và Pasternak, 1983; Pieke, 2000; Harrell, 2007). Dù sao, những thảo luận về nghiên cứu điền dã cụ thể ở các dân tộc thiểu số ở Trung Quốc không quá khác nhau, như Smith (2006) nghiên cứu ở vùng tự trị Tân Cương của người Uyghur, Hansen (2006) nghiên cứu ở Nạp Tây và sau đó với những người Hán di cư tới các vùng của tộc người thiểu số, Yeh (2006) làm việc ở Tây Tạng, Harrell (2007) nghiên cứu với nhiều dân tộc thiểu số ở Tây Nam Trung Quốc, đặc biệt với người Di, người Nuosu. Họ là một trong số ít các tác giả thảo luận về quy trình nghiên cứu điền dã và phản ánh những trải nghiệm với các dân tộc thiểu số ở nước đó.

So sánh với Trung Quốc, có ít bài viết về thực tế nghiên cứu điền dã ở Việt Nam với bất kể các dân tộc thiểu số nào, ngoài Bertrand (1994), Scott và *những học giả khác* (2006) nghiên cứu chủ yếu với dân tộc đa số người Kinh. Bertrand (1994) khám phá các điều kiện nghiên cứu điền dã vào đầu những năm 90 của thế kỷ XX, đề cập đến sự khác nhau giữa nghiên cứu ở miền Bắc và miền Nam. Ông cho rằng trong khi chính quyền địa phương ở miền Bắc tuân theo các chỉ thị của chính quyền trung ương một cách cẩn mẫn, thì các nhà lãnh đạo ở phía Nam “có những luật riêng của họ”. Sau đó, ông phân tích vai trò của người canh gác nền chính trị và những cản trở hành chính làm nghiên cứu điền dã về những người đánh cá bằng thuyền ván ở vùng biển. Scott và *những học giả khác* (2006) nói về những điều kiện khi làm nghiên cứu như là những nghiên cứu sinh ở ba vùng ở Việt Nam cuối những năm 90 của thế kỷ XX, tập trung vào các quá trình mà họ yêu cầu theo và những khó khăn về hành chính quan liêu mà họ gặp phải trong suốt quá trình làm nghiên cứu điền dã. Ba tác giả này thấy việc không có những tài liệu in ấn về nghiên cứu điền dã ở Việt Nam, nên họ đã dùng những tài liệu tham khảo về những quy trình và các điều kiện nghiên cứu điền dã như tham khảo sách của Marr (1993), Fforde (1996), Kerkvliet (1995) và Forbes (1996). Dù sao càng ngày cần có nhiều luận án tiến sĩ và thạc sĩ được hoàn thành và trong đó các nghiên cứu sinh, học viên cao học phản ánh về những trải nghiệm nghiên cứu điền dã của họ về các dân tộc thiểu số, như Sowerwine (2004) và Schoenberger (2006).

Còn ở Lào, hầu như chưa có tài liệu đề cập đến quy trình nghiên cứu điền dã ở đây. Ngoài số tạp chí này ra, Vandergeest và những người khác (2003) phân tích những cách tiếp cận nghiên cứu, mô tả sự hợp tác giữa miền Bắc và miền Nam với Đại học Quốc gia Lào và với việc tập trung vào xây dựng năng lực của Trường và không nhắc tới việc nghiên cứu điền dã. Thực tế, Enfield (2010) nhấn mạnh sự cần thiết ở Lào là phải nghiên cứu thực tế dài hạn, mặc dù một số nghiên cứu sinh mới gần đây hoàn thành việc này.

Vẫn còn một số bài viết khác phản ánh những sắc thái khác nhau trong việc nghiên cứu điền dã, như bài của Daviau trong số tạp chí này đã giúp làm rõ vấn đề. Người ta có lẽ nghĩ rằng quay lại làm nghiên cứu ở châu Âu hậu xã hội chủ nghĩa và Liên bang Xô viết cũ và càng ngày càng có nhiều tài liệu về những cố gắng và nỗi khổ khi tiến hành nghiên cứu điền dã ở những vùng này, như Hörschelmann và Stenning (2008) thảo luận sâu sắc về những vấn đề trong nghiên cứu điền dã trong tuyển tập của De Soto và Dudwick (2000) và trong sách của Hann và *các học giả khác* (2002).² Mặc dù là thú vị và quan trọng, tôi không thấy những công trình viết về châu Âu được sử dụng một cách trực tiếp đối với các nhà nghiên cứu ở các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Á vì có nhiều sự khác biệt về bối cảnh xã hội, kinh tế-chính trị và các đơn vị, cơ sở nghiên cứu như đã nói ở phần trên. Để hiểu rõ hơn bối cảnh cụ thể mà các nhà nghiên cứu trong số tạp chí đặc

biệt này viết bài, sau đây tôi sẽ giới thiệu qua về các dân tộc thiểu số hay “chủ thể” nghiên cứu. Sau đó tôi chuyển sang xác định và xem xét lại những yếu tố chính được đưa ra trong số tạp chí đặc biệt này-vượt ra ngoài ‘những chi tiết cần thiết’ đến địa bàn điền dã - gồm vị trí của nhà nghiên cứu, tính phản thân, quan hệ quyền lực và vai trò của người canh gác, tình thế khó xử về mặt đạo đức. Ở đây, tôi tập trung bàn về những gì được viết trước đây về những vấn đề này, mặc dù có giới hạn, trong mối quan hệ với việc đi nghiên cứu điền dã ở Trung Quốc.

Ở Việt Nam và Lào, vấn đề đưa ra trong số đặc biệt này là dựa vào những trải nghiệm của các nhà nghiên cứu phương Tây, bởi vì những trải nghiệm phản ánh ở đây rất khác với những trải nghiệm mà các nhà nghiên cứu địa phương đối đầu khi nghiên cứu điền dã ở trong nước họ, hoặc cả những người khác đến từ các nước xã hội chủ nghĩa ở Bán cầu Bắc (được nhấn mạnh trong sách của Bamo Ayi và các học giả khác, 2007). Chúng tôi hy vọng rằng có những công trình vượt ra ngoài các cách tiếp cận của chúng tôi sẽ được ra đời sớm và bài viết này của tôi trong số này tập trung vào các tiếng nói của các trợ lý nghiên cứu Trung Quốc và Việt Nam và có lẽ là chiếc cầu nối quan trọng của những công trình này.

Gặp gỡ người cung cấp thông tin

Theo điều tra gần đây nhất ở ba nước Trung Quốc, Việt Nam và Lào có 110 triệu người các dân tộc thiểu số. Nghiên cứu điền dã của chúng tôi tập trung vào vùng Tây Nam của Trung Quốc, miền núi phía Bắc Việt Nam và vùng cao của Lào - hay những vùng này còn gọi là vùng núi Đông Nam Á. Vùng này hợp nhất với vùng cao trên 500 mét vây quanh ‘các dãy núi cao trải rộng từ Đông Nam, từ dãy Himalya đến bình nguyên Tây Tạng và tất cả đất nước ở vùng cao có gió mùa từ vùng thấp Brahmaputra, Irrawaddy, Salween, Chao Phraya, sông Mê Kông và sông Hồng và các phụ lưu của hai sông’ (Michaud, 2009: 27).³ Ở vùng núi giữa Trung Quốc, Việt Nam và Lào có khoảng 70–80 triệu người thuộc các dân tộc thiểu số. Từ năm 1981, Trung Quốc chính thức công nhận 55 dân tộc thiểu số (*shaoshu minzu*). Có 29 dân tộc là dân tộc bản địa thuộc vùng Tây Nam của Trung Quốc sống ở vùng núi Đông Nam Á, với dân số trên 59 triệu. Ở Việt Nam, có 53 dân tộc (số liệu từ năm 1979) và những dân tộc này sống ở vùng cao với trên 8,5 triệu người (MacKerras, 2003; Michaud, 2006). Ở Lào, trong số 49 dân tộc mà do Mặt trận Xây dựng Lào công nhận (LFNC), thì có 47 dân tộc thiểu số chiếm 2,5 triệu người (Ovesen, 2004; Trung tâm Thông kê Quốc gia, 2005). Goudineau (2000) đề xuất rằng lý tưởng quốc gia mà nhiều người cùng chia sẻ về việc nhìn nhận các dân tộc thiểu số ở Trung Quốc và Việt Nam cũng được phản ánh trong đường lối chính trị của Lào.⁴ Ở Trung Quốc, sau cái chết của Mao Trạch Đông năm 1976 và Đặng Tiểu Bình lên nắm quyền, văn hóa của các dân tộc thiểu số được công nhận. Các dân tộc thiểu số chính thức

được áp dụng “các biện pháp hành động khẳng định như được miễn trừ thuế từ chính sách một con đến việc nộp thuế ít hơn và được ưu tiên vào đại học (Gladney, 2004; Michaud, 2009). Dù sao, giáo dục tiểu học bằng các thứ tiếng dân tộc ở địa phương, mọi người cần phải thành thạo tiếng Trung để có thể có thể vào đại học cũng như có nhiều cơ hội thoát ly khỏi nghề nông. Như Michaud (2009: 34) viết ‘hành động cần thiết như vậy là sự khuyến khích lớn đối với sự hòa nhập văn hóa của thế hệ trẻ vào xã hội Hán. Thực tế, sự công nhận chính thức không chỉ là một phần nguy trang cho chính sách quốc gia về hòa nhập văn hóa một cách từ từ và vững chắc’.

Ở Việt Nam thời kỳ Đổi Mới, đổi mới kinh tế vào năm 1986 ở Đại hội VI, áp dụng cho các năm sau, nói chung giảm bớt chế độ độc tài của nhà nước. Chính sách ‘bảo tồn văn hóa có lựa chọn’ có thể mô tả tốt nhất cách tiếp cận của nhà nước đối với các dân tộc thiểu số, cùng với các loại hình diễn xướng văn hóa, văn hóa vật chất và các mặt hàng du lịch được xem như đáng được bảo vệ (đặc biệt ở VTV5, kênh truyền hình của chính phủ dành cho người dân tộc thiểu số). Đồng thời, những thực hành như đốt nương, làm rẫy và một số nghi lễ và saman giáo bị nghiêm cấm. Nhìn chung, các dân tộc thiểu số ở vùng cao được người Kinh ở miền xuôi ít biết đến và thường cho là “lạc hậu” hay “lười” (2001; Koh, 2002; Sowerwine, 2004).

Ở Lào, chính sách di dân đối với các dân tộc thiểu số (Daviau bàn đến trong số tạp chí này) là trung tâm của chính sách nhà nước áp dụng vùng định cư ở vùng cao đối với các dân tộc không phải là người Lào. Những chính sách như vậy “kết quả khẳng định sự ưu việt về chính trị và văn hóa của các dân tộc Lào (Ovesen, 2004: 214). Ovesen (2004: 222) tiếp tục viết: ‘cách nhìn nhận chính thức có xu hướng là những truyền thống không phải là của Lào, thì bị cho là cổ lỗ sĩ và không có lợi cho việc nâng cao các điều kiện kinh tế-xã hội của các dân tộc đang có vấn đề (xem Stuart-Fox, 1991). Với điều kiện rằng đây là các bối cảnh của nghiên cứu điền dã đã được thực hiện, những chủ đề được xem xét ở dưới đây và được mở rộng trong những bài viết của chúng tôi không có gì đáng ngạc nhiên.

Chuẩn bị trước điền dã: Phản thân lại nhân cách, mối quan hệ quyền lực và tình thế khó xử về mặt đạo đức

Nhân cách và phản thân

Cuộc tranh luận về nhân cách và tính phản thân ngày càng được bàn tới trong các cuộc thảo luận quan trọng về mặt chính trị và đạo đức trong công tác nghiên cứu điền dã của các nhà nhân học xã hội và các nhà địa lý nữ quyền và hậu thuộc địa vào những năm 80 của thế kỷ XX.⁵ Vị trí của các nhà nghiên cứu liên quan đến việc nhận ra ‘tất cả sự hiểu biết sinh ra trong các bối cảnh và tình huống cụ thể và sự hiểu biết xác định được đánh dấu bởi nguồn gốc của chúng’ (Valentine, 2002: 116). Hopkins (2007: 391) đề xuất

rằng những vị trí của nhà nghiên cứu như vậy bao gồm cả sắc tộc, giai cấp, giới tính, tuổi, giới tính, sự bất lực cũng như trải nghiệm cuộc sống của con người. Như vậy tôi đề xuất vị trí có ý nghĩa bao hàm hơn cả những đặc tính này. Vị trí cũng bao gồm cả các quan điểm triết học và những cách thức nhìn nhận thế giới, thiên hướng chính trị và sự kết hợp cụ thể của những điều này, như là có cùng giới tính và khả năng khôi hài như là những người cung cấp thông tin, nhưng họ rất khác nhau về tộc người và giai cấp xã hội.

Về phần mình, England (1994: 82) xác định tính phản thân như là “nội quan truyền cảm quan trọng mang tính tự thân”, song hành cùng với “sự giám sát phân tích nhận thức tự thân về bản thân như là nhà nghiên cứu”. Trong khi những mối quan tâm như vậy về việc tạo nên vị thế tự nhận thức thông qua phản thân trong nghiên cứu khoa học xã hội được phản ánh trong công trình nghiên cứu của nhiều học giả, như McDowell (1992), Katz (1994), Radcliffe (1994), Moss (1995) và Rose (1997), nhưng vẫn không thông dụng đối với các nhà nghiên cứu điền dã để những tư liệu của những mối quan tâm này được thể hiện trong các công trình được in ấn của họ. Chắc chắn ở Trung Quốc, Việt Nam, Lào xã hội chủ nghĩa trong số tạp chí đặc biệt này, tính phản thân xem xét vị trí của các nhà nghiên cứu quan tâm đến các dân tộc thiểu số là rất hiếm. Hưởng lợi của cách tiếp cận phản thân như vậy đối với việc nghiên cứu, England (1994: 89) tranh luận rằng tính phản thân ‘cho phép nhà nghiên cứu cởi mở hơn đối với những thách thức về lý thuyết của họ mà nghiên cứu điền dã chắc chắn sẽ phát sinh ra.’ Quay lại những đặc tính cụ thể về vị trí của các nhà nghiên cứu phương Tây ở Việt Nam, Scott và các tác giả khác (2006) cho rằng phụ nữ tiếp cận dễ dàng với những đối tượng nghiên cứu, phỏng vấn là nữ. Dù sao, ‘tính ngoại quốc’ của họ cho phép họ được giới đàn ông mời chào, đặt ra cho họ có một vai trò nào đó về giới. Smith (2006) nghiên cứu người Uyghur ở Trung Quốc cũng phản ánh về việc bà đã thương thảo về vị trí của mình phụ thuộc vào ai mà bà giao tiếp, có thể nói tóm lại tốt nhất trong câu trích dẫn sau: “Biết cách tránh bị lạc vào trong các hoạt động cho là phù hợp đối với phụ nữ, tôi thương thảo vai trò từ đầu của mình phụ thuộc vào giới tính, giáo dục và tôn giáo (trên danh nghĩa hoặc tuân thủ theo) của người đi cùng. Với những người đàn ông và hầu như đàn bà ở nông thôn, tôi là hình ảnh thu nhỏ của người phụ nữ khiêm tốn. Với những người đàn ông có giáo dục, tôi đóng vai trò là hình ảnh của người phương Tây và là nhà nghiên cứu. Điều này giúp tôi có được vai trò trung lập so với đàn ông, và để quan sát từ phía đàn ông trong phòng ở đám cưới người Uyghur, ở đó khách khứa phân biệt theo truyền thống. Do vậy tôi ở trong ‘nhóm đàn ông’ gần với những thành viên của nhóm đàn bà. Có lẽ tôi có được cách tiếp cận tốt hơn là một nhà nghiên cứu nam, là người có thể tiếp cận với đối tượng nghiên cứu là đàn ông, nhưng khó tiếp cận với các nhà nghiên cứu là phụ nữ (Smith, 2006: 143). Vị trí của chúng ta nhìn chung là bị ảnh hưởng bởi những người mà chúng ta tiếp cận khi đi nghiên cứu điền dã. Ví dụ, Svensson (2006) nghiên cứu di sản văn hóa ở Trung Quốc nhanh

chúng nhận ra rằng bà sẽ không có những cuộc phỏng vấn hiệu quả với cư dân địa phương nếu ban đầu bà đã quan sát bằng cách nói chuyện và đi dạo quanh làng, hay khu vực hàng xóm với bí thư Đảng bộ và với cán bộ địa phương. Thực tế, bà đã được xác định vị trí của mình bởi những người bà sẽ phỏng vấn. Giống như vậy, Cornet (trong số tạp chí này) đã nhanh chóng nhận ra rằng có phép của chính phủ làm nghiên cứu khiến cho dân làng hoài nghi về động cơ của bà, ví bà như với những người mà họ có mâu thuẫn. Hơn thế nữa, như Cornet và Gros chỉ ra rằng chúng ta không nên đi đến kết luận là có cặp nhị phân rõ ràng giữa miền xuôi, người đa số và người dân tộc thiểu số và họ sẽ xét vị trí của các nhà nghiên cứu đến từ bên ngoài; những cán bộ nhà nước thường là người các dân tộc trong các làng ở vùng xa, điều này khiến cho có thêm những lớp lang phức tạp về vị trí của nhà nghiên cứu và mối quan hệ quyền lực.

Mối quan hệ quyền lực và người canh gác

Nhà địa lý theo thuyết nữ quyền Kim England đề xuất rằng mối quan hệ giữa các nhà nghiên cứu và những người được nghiên cứu có thể nằm ở bất kể chỗ nào theo sự phân bổ từ ‘mối quan hệ tương hỗ’ tới ‘sự lợi dụng tiềm năng’ trong khi đó, tiếp tục là ‘các thứ bậc một cách kế thừa’ (England, 1994: 82, 86). Mối quan hệ ở địa bàn là kết quả của cấu trúc quyền lực cụ thể mà chúng rất ngẫu nhiên ở vị trí của chính người nào đó, theo vị trí của người hợp tác và người được phỏng vấn nghiên cứu, cũng như thời gian và bối cảnh. Chắc chắn, những bối cảnh cụ thể có thể tạo cho nhà nghiên cứu ‘hoàn toàn vô vọng’ (Wolf, 1996: 22), như khi cố gắng có được giấy phép của chính quyền để tiến hành phỏng vấn (xem Bonnin; Cornet; Daviau; và Gros), khi phỏng vấn những người có quyền lực (Bonnin; Cornet), hoặc khi quan sát thấy rằng người ấy tin sẽ là ứng xử không đúng hoặc có sự bất bình đẳng xã hội (xem thêm Bonnin trong số này). Sau đó, người nghiên cứu từ Bán cầu Bắc thường ở vị trí người có quyền lực tương đối đối với người được phỏng vấn là dân tộc ít người. Các nhà nghiên cứu thường có giáo dục hơn, có năng lực xin tài trợ vượt qua mức chi phí cuộc sống ở địa phương, tự do dời địa bàn bất kể khi nào họ muốn và có năng lực quyết định kết quả nghiên cứu ra sao để thể hiện nó và truyền bá nó (xem thêm Svensson, 2006). Những mối quan hệ quyền lực như vậy hòa quện với vai trò là người canh gác, mà người canh gác ở đây được Hay-nhà nghiên cứu địa lý nhân văn (2000: 114) định nghĩa như là một người có thể kiểm soát ‘những cơ hội hòa nhập với những người khác ở địa bàn nghiên cứu đã được chọn’. Đây là định nghĩa tương đối hạn hẹp, dù vậy cũng là một định nghĩa phản ánh một số bối cảnh chúng ta tự thấy mình trong đó, phải thương thảo với các nhân vật có quyền lực và cố gắng thao diễn xung quanh vô vàn cản trở để tiếp cận địa bàn điền dã và những người phỏng vấn. Dù vậy, gần đây, một định nghĩa rộng hơn về người canh gác đã được đề xuất, gồm ‘những người cung cấp trực tiếp hay gián tiếp cách tiếp cận những nguồn lực chính cần thiết để làm

ngiên cứu, là những nguồn lực như hậu cần, con người, cơ sở trường viện hay thông tin' (Campbell và những tác giả khác, 2006, 98), phản ánh khía cạnh tích cực mà người gìn giữ có thể mang lại cho những trải nghiệm nghiên cứu điền dã cho mọi người (xem thêm Heller và những tác giả khác, 2010). Hansen (2006), mô tả nghiên cứu điền dã ở các dân tộc thiểu số ở Tây Nam Trung Quốc, ghi nhận rằng quan sát tham dự một cách cổ điển thường không thể được bởi vì những quyết định của những người canh gác địa phương. Bà ghi chú rằng những nhà nghiên cứu điền dã dân tộc học ở Trung Quốc đối đầu với một loạt thách thức mà không chỉ áp dụng đối với Trung Quốc, nhưng những thách thức đó chắc khác biệt cơ bản với nghiên cứu điền dã ở nhiều nơi khác trên thế giới. Những hoàn cảnh thực tế như là sự chặt chẽ về mặt chính trị đối với các chủ đề nghiên cứu, bị giới hạn tiếp cận số liệu, ở vùng bị phong tỏa và sự kiểm soát các chuyển động của các nhà nghiên cứu, thúc giục các nhà nhân học nghĩ ra những cách thức khác để học hỏi về cuộc sống xã hội và văn hóa hơn là phương pháp nghiên cứu điền dã 'truyền thống' mà Malinowski đã gọi một cách gây ấn tượng mạnh là 'quan sát tham dự' (Hansen, 2006: 81; cũng xem thêm Michaud, trong số tạp chí này).

Như Cornet và Gros (trong số tạp chí này) đã nêu, các điều khoản đầu tiên như đề cương nghiên cứu thường được thể hiện đối với các nhà chức trách đại học Trung Quốc- thường coi là người canh gác đầu tiên của mọi người-người mà sau đó liên lạc với chính quyền địa phương và tạo có việc tiến hành điền dã, cũng như cung cấp trợ lý nghiên cứu chính thức-không phải trả tiền cho trợ lý. Người canh gác ở các giai đoạn trong quá trình này có thể hoặc không có thể đồng ý với việc nghiên cứu mà được đề xuất và những quá trình mà mọi người sau đó muốn theo ở địa bàn. Điều này có thể sinh ra từ trong đề cương nghiên cứu cần phải 'có thể được chấp nhận hơn' đối với chính quyền địa phương, cũng được Daviau ghi nhận ở Lào và Bonnin ghi nhận ở Việt Nam (trong số này). Một số những thương thảo, được kể lại từ "cả hai mặt của đồng tiền"-giới nghiên cứu phương Tây và những đồng nghiệp Trung Quốc của họ-cũng được Bamo Ayi, Harrell và Ma Lunzy (2007) khám phá một cách tỉ mỉ trong cuốn sách hợp tác của họ về trải nghiệm nghiên cứu điền dã ở vùng tự trị Lương Sơn ở Tứ Xuyên. Herrold (1999), trong ghi chép điền dã nghiên cứu ở Quý Châu, Tây Nam Trung Quốc, ghi chép chi tiết về việc nhà nghiên cứu phương Tây có thể may mắn có được những người gác địa phương và những điều khoản cần thiết. Sau 3 tháng, cuối cùng Bà cũng được phép ở lại qua đêm ở làng xung quanh vùng Bảo tồn văn hóa Cao Hải không bị 'nhắc nhở', kết quả của việc này là do có một cuộc đối thoại vào bữa tối, không phải là những cuộc phỏng vấn chính thức. Bà cũng ghi nhận vai trò của người lái xe ủy thác như là người canh gác bổ sung (có lẽ không chủ tâm), như là một ngày phỏng vấn bình thường được kiểm soát bởi sự cần thiết của ông đi vòng vèo, ăn, ngủ và v.v. Bà cung cấp một ví dụ thú vị về 'một ngày ở địa bàn' bình thường, mà ngày đó nhấn mạnh sự khó chịu khi tiếp cận với cán bộ địa phương

và ‘người nhắc nhở’. Tương tự như vậy, Gros (trong số tạp chí này) đã nói đến, là trong suốt thời gian, các cán bộ địa phương đã bớt cảnh giác ông (xem thêm Mueggler, 2001). Điều này giống như là được thấy trong trường hợp của Bonnin ở Việt Nam (trong số này), người cuối cùng cũng có thể nghiên cứu với những người trợ lý nghiên cứu và bà tự chọn, hơn là những người mà do chính phủ cử đi cùng. Thật thú vị, dường như là mong muốn nghiên cứu điền dã ở vùng xa với các dân tộc thiểu số có thể giúp cho khả năng của mọi người làm việc (sau một thời gian) không có các trợ lý nghiên cứu do chính phủ cử đi. Trợ lý của Gros không muốn có tuyết vào mùa đông ở Thung Lũng Độc Long và những người trợ lý do nhà nước cử của Bonnin thường nhớ nhà, buồn chán và bận tâm đến việc ở lâu tại nơi có tà ma. Dĩ nhiên, điều này cũng phụ thuộc vào quan điểm chính thống về những vùng mang tính nhạy cảm chính trị. Smith (2006), nhớ lại quy trình làm nghiên cứu điền dã ở vùng tự trị Tân Cương của người Uyghur, ở phía Tây Trung Quốc năm 1995–1996, cho rằng các nhà chức trách địa phương và những người cung cấp thông tin can thiệp quá nhiều vào quá trình nghiên cứu, coi bà là người may mắn nghiên cứu ở địa bàn và lấy được số liệu. Dù sao bà cũng giải thích là bà đã phải mặc cả với họ là ở đâu bà có thể tiếp cận được, coi rằng bà đã từng tới vùng địa lý dân tộc học-chính trị vì mối quan tâm nghiên cứu về quan hệ giữa người Hán và người Uyghur trong khi bà là nghiên cứu sinh. Bà kể rằng ‘lá thư giới thiệu tới một cán bộ và giá 5.000 bảng Anh để có visa nghiên cứu (loại F) và một đơn vị ở Viện Khoa học Xã hội Tân Cương ở Tây Bắc Ürümqi’ (Smith, 2006: 137). Bà bổ sung thêm là trong khi Viện Khoa học Xã hội ‘có vẻ có khuynh hướng giữ bà không đi đâu cả và tránh tiếp xúc với người Uyghurs ở Ürümqi, bà có thể thương thảo một chuyến tới phía Nam của tỉnh “như là một khách du lịch”’. Ở đây, bà như là một người phụ nữ trẻ làm việc có lợi cho bà, khi bà cho rằng bà được mọi người nhận thấy là không có gì đe dọa. Như vậy, khi đó bà thấy mình xứng đáng trong vai cán bộ nghiên cứu chính thức, giống như Hansen (2006) đã viết. Solinger (2006) làm việc ở Trung Quốc về các vấn đề kinh tế địa phương, di dân và việc làm, chủ yếu với người Hán, những chi tiết chiến thuật hấp dẫn làm thế nào để bà có thể “phỏng vấn” và rồi sau đó có được thông tin từ ‘những người gác cổng thông tin’ tiềm năng. Trước khi phỏng vấn cán bộ nhà nước, bà tập hợp những hiểu biết về những người được phỏng vấn và công việc của họ, gồm chi tiết về thành tích và trải nghiệm. Chỉ ra những điều hiểu biết như vậy và ‘đánh vào lòng tự trọng’ khi nào có thể, bà đã tranh luận rằng, những người được phỏng vấn đó rất cởi mở. Dù sao, bà cũng ghi nhận rằng vào những thời điểm khác, thì cũng trả giá là ngây thơ hay thật ngốc nghếch. Do vậy, bà đề xuất ‘đồng thời là người hiểu biết nhưng ngốc nghếch, biết và không biết’ (Solinger, 2006: 161). Hướng lợi từ việc thay đổi cách tiếp cận cho phù hợp cũng phản ánh trong những lời bình của Chloe và Vi, hai trợ lý nghiên cứu thảo luận với tôi trong bài viết này là làm

như thế nào họ nghĩ ra những chiến thuật một cách cẩn thận đối với những người được phỏng vấn cụ thể. Điều này cũng nói lên những tình trạng khó xử về mặt đạo đức.

Tình trạng khó xử về mặt đạo đức

Thông thường, các nhà khoa học nghiên cứu điền dã được yêu cầu nộp một mẫu đơn xác nhận về những vấn đề về đạo đức bao gồm bản nhận xét về các phương pháp nghiên cứu điền dã bởi hội đồng của cơ sở đào tạo. Rõ ràng rằng về mặt đạo đức nghiên cứu điền dã vượt ra ngoài của một quy trình thông thường hay “đạo đức vì đạo đức” (Boyd và những tác giả khác., 2008: 38; Xem thêm Hay, 1998; Guillemin and Gilliam, 2004; Berg, 2007). Đạo đức trong thực tế là nói về những phương pháp phản thân dẫn dắt mọi người có những quyết định dựa vào đạo đức và cho phép nhà nghiên cứu nhạy cảm với những lĩnh vực đạo đức của công việc nghiên cứu điền dã. Điều này giúp chúng ta chuẩn bị càng kỹ càng tốt- để đối phó với những vấn đề đạo đức có thể phát sinh (Gold, 2002). Thurston (1983: 9) đúng đắn khi cho rằng tình thế khó xử về mặt đạo đức khi làm nghiên cứu điền dã ở Trung Quốc (tôi muốn bổ sung thêm ở Việt Nam và Lào) ‘là nặng nề’. Cứ cho rằng mọi người có cách tiếp cận địa bàn, đặc biệt là có nhiều chuyến đi điền dã, khi một nhà nghiên cứu ngoại quốc có thể thỏa hiệp về số liệu in ấn và những tranh luận về sự nguyên vẹn của nghiên cứu. Nếu một người xuất bản những kết quả thu được mà động chạm đến chính phủ và một cán bộ lão thành đọc tài liệu in ấn đó, thì việc tiếp cận sau đó có nguy cơ cao là sẽ không được chấp nhận-cho cả nhà nghiên cứu, cả những người liên quan đến nghiên cứu cụ thể đó, thậm chí cho các học giả nước đó sẽ tới nghiên cứu sau này. Vấn đề thường là viết điều gì chính xác bị coi là những kết quả mang tính mâu thuẫn.⁶ Svensson (2006) ghi nhận rằng ở Trung Quốc, các chủ đề mà người ta có thể nhận ra ngay là mang tính nhạy cảm và bỗng nhiên nó trở thành như vậy nếu chúng liên quan đến những quyết định chính trị khó khăn, tới mối quan tâm kinh tế, hay những cuộc biểu tình thậm chí cách địa bàn nghiên cứu xa hàng dặm. Curran và Cook (1993) ghi nhận thêm rằng nguy cơ cho các nhà nghiên cứu Trung Quốc khi những cán bộ hợp tác ở nước ngoài in những tài liệu nghiên cứu quan trọng trên tầm quốc tế. Những tình thế khó xử này, về phần mình chỉ ra sự quan tâm tới vấn đề an toàn và tình trạng tốt của những người được phỏng vấn khi tham gia vào nghiên cứu.⁷ Ở Trung Quốc, như Hansen (2006) chỉ ra, Cornet và Gros (trong số tạp chí này) mở rộng ra các địa phương, đặc biệt các dân tộc ít người, thường bị các nhà nghiên cứu ở nước sở tại và đại diện chính phủ tìm hiểu cuộc sống riêng tư (Daviau cũng nói điều này ở bối cảnh ở nước Lào). Càng ngày, các nhà nghiên cứu trong nước nhận ra rằng những điều tra tìm hiểu như vậy có thể có những hậu quả nghiêm trọng và tiêu cực về cuộc sống và kế sinh nhai của họ, bao gồm ‘mất đất canh tác một cách bất hợp pháp, trẻ con bị gửi đến trường, kế hoạch sinh đẻ có kế hoạch’, v.v. (Hansen, 2006: 82). Vì sự can thiệp của chính phủ mang

tính lịch sử như vậy, Hansen cho rằng bất kể nhà nghiên cứu nào thời nay đều ‘đi theo vết chân của Đảng Cộng sản’ (Hansen, 2006: 81); câu nói này được cả Cornet và Gros (trong số này) nhắc lại, phản ánh thẳng vào vấn đề. Về bản chất, Hansen (2006) nhắc nhở chúng ta nêu ra vấn đề chúng ta là ai và chúng ta được đặt vào vị trí nào, như thế nào khi chúng ta đi đến địa bàn nghiên cứu với thư mời và với một người trợ lý của một cơ sở nghiên cứu hay đào tạo lớn có tiếng và có những hậu quả không lường trước được có thể phát sinh.

Svensson (2006) viết về sự phát triển đô thị và di sản văn hóa ở các thành phố Trung Quốc của người Hán, bình luận về mối quan hệ với những người được phỏng vấn mà họ có thể có những sự trông chờ, một phần dựa vào sự thông cảm được nhà nghiên cứu chỉ ra. Giống như bà viết ‘một cách tự nhiên trong các cuộc phỏng vấn là thông cảm và ân cần đối với những người được phỏng vấn’. Nhưng có thể cảm thấy rất không hài lòng khi tạm biệt người được phỏng vấn và địa bàn nghiên cứu sau cuộc phỏng vấn đầy thông cảm và kéo dài mà không có được thông tin gì’ (Svensson, 2006: 269). Bà tiếp tục thăm vấn về cấp độ mà những mối quan hệ thực sự và tất cả những trông chờ mà có thể đem lại, có thể được thông báo ở địa bàn, cũng nảy sinh mối quan tâm như được viết trong số này trong bài của Bonnin nói về Việt Nam. Những vấn đề quan tâm tới đạo đức cũng có thể nảy sinh về tiền thù lao cho thời gian của những người phỏng vấn thế nào là phù hợp (xem Head, 2009). Điều này có thể dễ dàng trở thành một hành động tung hứng với sự hiếu khách mà những người được phỏng vấn muốn thể hiện. Thông thường, khi phỏng vấn những người dân tộc ít người, các nhà nghiên cứu phương Tây thường được mời ăn và uống, điều đó có thể là một chỉ tiêu đáng kể so với thu nhập của người địa phương. Việc mời như vậy thường là uống nhiều rượu, dùng mất khá nhiều việc trợ cấp của gia đình (xem Svensson, 2006; Fiskesjö, 2010). Do vậy, lịch phỏng vấn có thể là một vấn đề sắp xếp thời gian một cách cẩn thận để tránh thời điểm ăn uống, điều mà Christine Bonnin và tôi cân nhắc trong khi phỏng vấn ở miền Bắc Việt Nam. Khi đến mang theo đồ ăn để bù đắp cho gia đình mà chúng tôi muốn phỏng vấn, chúng tôi muốn cùng với họ ăn muộn hơn là ngay lập tức chuẩn bị đồ ăn uống; một sự thương thảo mà đôi khi chúng tôi thực hiện được, đôi khi là không. Gros (trong số tạp chí này) cũng thảo luận về các mối quan tâm về vấn đề tiêu dùng, lần này là trong mối quan hệ với tập tục năm mới của người Drung, sau khi áp lực của chính phủ dẹp bỏ, nó cần được phục hồi với việc tiêu thụ sản phẩm mà lễ Tết năm mới kéo theo.

Svensson (2006) công nhận cảm giác không thoải mái với sự giàu có khác biệt khi bà đối đầu với những người được phỏng vấn ở thành thị và nông thôn ở Trung Quốc (xem Smith, 2006). Bà thường được hỏi về lương, hay giá quần áo. Bà kết luận rằng có nhiều thách thức và những tình huống có vấn đề mà các nhà nghiên cứu có thể tìm thấy họ trong đó, mà luôn luôn yêu cầu có sự thương thảo về vị trí của ai đó và mức độ liên

quan đến đối lập với lập trường trung lập hay sự gấn bó chặt chẽ với việc đó. Chỉ có những trường hợp không nhạy cảm nhất, như bà nói, sẽ không bị tác động bởi thời gian của chúng ta ở địa bàn và sẽ không đặt ra vấn đề về sự thành công của việc nghiên cứu điền dã. Sự phản thân một cách cẩn thận, do vậy là quan trọng trong việc quyết định cho việc mọi người sẽ giải quyết và tìm ra giải pháp với những mối quan tâm về đạo đức như trên. Một số những giải pháp liên quan đến đạo đức được đặt ra trong các bài viết trong số này của tạp chí *Asia Pacific Viewpoint: Entering the field*.

Các tác giả trong số này, 3 phụ nữ và 4 nam giới, có được những vị trí rất khác nhau. Chúng tôi mở rộng ra 3 quốc tịch (Canada, Pháp và New Zealand) và ở độ tuổi khác nhau, có kinh nghiệm và tuổi nghề khác nhau, có vị trí nghề nghiệp từ nghiên cứu sinh tới nhà nghiên cứu mới có việc chính thức, tới người đang trong nghề và tới những giáo sư đã nghỉ hưu. Trong số chúng tôi, chúng tôi nói tiếng Anh, Pháp, Trung Quan thoại, Việt, Lào, Tạng, Trung, Thái và một số tiếng châu Á và châu Âu khác. Chúng tôi được đào tạo là các nhà nhân học và địa lý nhân văn ở các trường đại học khác nhau, có những kiến thức về lý thuyết khác nhau. Những vị trí như vậy càng làm phong phú thêm cho các bài viết ở phần sau. Những bài viết đó cho phép chúng tôi khám phá ra những kinh nghiệm nghiên cứu điền dã trên nền tảng của các dân tộc thiểu số ở Trung Quốc, Việt Nam và Lào xã hội chủ nghĩa và việc chúng tôi đã có những cách thương thảo ở các môi trường và tình huống khác nhau, cố gắng tìm kiếm các giải pháp có thể khai thác được cho tất cả những ai liên quan đến. Chúng tôi bắt đầu số này với bài viết của Candice Cornet về tỉnh Quý Châu xa xôi, Tây Nam Trung Quốc, trong một ngôi làng của dân tộc Động. Bà giới thiệu chúng ta với một mê lộ theo thứ bậc của hành chính Trung Quốc mà bà đã vượt qua để đến được địa bàn nghiên cứu và phản ánh về cách làm việc với những trợ lý nghiên cứu của chính phủ cử đi theo. Bà phân tích sự tác động của vị trí của bà như một nhà nghiên cứu nữ trẻ, sau đó như là một người mẹ mang đứa con gái nhỏ của mình đến địa bàn nghiên cứu.

Xa hơn về miền Tây Nam Trung Quốc, Stéphane Gros, nghiên cứu người Trung ở Tây Bắc tỉnh Vân Nam vùng biên giới của Miến Điện, sau đó dẫn dắt chúng ta qua một sự ‘ngờ ngẩn’ trong nghiên cứu mà ông đã liên quan đến những người địa phương trong một cuộc cãi nhau về đón năm Mới đã bị cấm gần 20 năm, cần được tổ chức lại hay không. Ông đã phản ánh các cấp độ mà qua đó các nhà nghiên cứu có thể can thiệp vào, từ quan điểm, cuộc sống của người cung cấp thông tin trong những trường hợp như vậy và trong một mức độ mà chúng ta đã làm tác động tới xung quanh công việc nghiên cứu. John McKinnon, cũng ở Vân Nam, nhưng thời điểm này ở Đông Bắc vùng biên giới với Việt Nam, dẫn dắt chúng ta từ việc nghiên cứu dân tộc học đến những thực hành nghiên cứu tham dự liên quan đến sự thay đổi và thách thức về môi trường ở hai làng cạnh nhau của người Hà Nhì. Trong việc mô tả sự phức hợp đối đầu của việc nghiên cứu tham dự và

sự mập mờ của những kết quả mang tính giới, ông đề xuất rằng những đặc quyền cho sự hiểu biết địa phương và sự đề cao cách tiếp cận tham dự như vậy không nên làm. Cái giá phải trả là làm ngơ điều rắc rối của những ứng xử đang diễn ra mà có thể là đối lập trong bối cảnh thay đổi nhanh chóng. Với tất cả những thiện ý mà chúng ta cần có, chúng ta phải thừa nhận và chấp nhận những đơn vị, cơ quan địa phương của những người mà chúng ta làm việc với và thú nhận rằng tất cả có thể diễn ra một cách không có kế hoạch. Với suy nghĩ này, chúng ta có thể vượt qua biên giới tỉnh Lào Cai, miền Bắc Việt Nam ở đó Christine Bonnin minh họa một loạt ‘nghiên cứu điền dã hỗn độn’ diễn ra trong thời gian bà nghiên cứu những người buôn bán ở chợ của các dân tộc thiểu số người Hmông, người Dao. Giống như Cornet và Gros, Bonnin theo đuổi những quy trình chính thức cần thiết cho bà để có thể đến được địa bàn nghiên cứu, tất cả từ Viện Khoa học Xã hội Việt Nam đến làng, về những ranh giới chính thức luôn không rõ ràng. Bà tư liệu hóa những người canh gác mà bà gặp và bà làm việc như thế nào để nhượng bộ khi tiếp tục tiến hành công việc của bà. Bà kết luận bằng cách nhấn mạnh những tình thế khó xử mang tính cá nhân và đạo đức mà mọi người đối đầu khi tình bạn được thiết lập ở địa bàn và những trông đợi đặt vào. Sau đó chúng ta tiếp tục tiến về miền Nam các tỉnh Sekong và Attapeu của Lào từ miền Trung Việt nam. Ở đó, Steeve Daviau phản ánh về nghiên cứu điền dã với các tộc người Tarieng sống ở dãy Annam. Ông so sánh nghiên cứu và quy trình tiến hành điền dã mà ông theo đuổi như là một tư vấn làm việc cho các tổ chức NGO khác nhau trong vùng, cho những người mà ông thương thảo khi ông quay lại địa bàn như là một nghiên cứu sinh với tất cả những giấy phép theo yêu cầu. Làm việc với các dân tộc thiểu số tự hạ thấp họ hàng thập kỷ bởi nhà nước xã hội chủ nghĩa, ông nhấn mạnh sự cần thiết tạo ra một khoảng diễn ngôn để tiếng nói của dân tộc Tarieng có thể được biết đến và tính chủ thể của họ được nhìn nhận. Trong một nỗ lực tạo ra tính chủ thể cho người khác liên quan đến quá trình nghiên cứu, tôi sau đó báo cáo về các cuộc phỏng vấn với hai trợ lý nghiên cứu người địa phương mà họ là một phần nghiên cứu điền dã đã nói ở trên: Chloe, làm việc với Candice Cornet ở Trung Quốc và Vi làm việc với Christine Bonnin ở Việt Nam. Tôi phỏng vấn cả hai trợ lý này sau những đợt nghiên cứu điền dã dài ngày và mời họ suy ngẫm về quá trình theo quan điểm riêng của họ. Họ phản ánh về việc họ đã nỗ lực vượt qua những tình huống khó khăn và không bình thường ở địa bàn và vị trí của họ thể hiện trong các chiến lược cụ thể. Họ cung cấp cho chúng tôi những đề xuất thẳng thắn liên quan đến việc các nhà nghiên cứu phương Tây phải chuẩn bị ra sao để làm việc với những trợ lý địa phương, cũng như có những gợi ý đối với những người trợ lý tương lai làm việc với các nhà nghiên cứu nước ngoài ở những địa bàn này. Ở bài nghiên cứu cuối cùng, Jean Michaud phản ánh hành trình của ông từ một nghiên cứu sinh sống ở miền Bắc Thái Lan nghiên cứu sự tác động của du lịch xe đò ở làng người Hmông, tới một giáo sư nhân học và hướng dẫn nghiên cứu các dân tộc ở Lào, Việt Nam

và Trung Quốc. Ông ghi chú về sự khác nhau cơ bản giữa việc nghiên cứu điền dã ở Cộng hòa Thái Lan với Trung Quốc, Việt Nam, Lào xã hội chủ nghĩa. Ông cũng chỉ ra lòng tin quan trọng thế nào để giữ mối quan hệ nghiên cứu tích cực ở 3 nước này. Khái niệm về niềm tin, ngụ ý hay nói thẳng trong tất cả bài viết trong số này, thì đều toát lên bằng nhiều cách khác nhau. Khái niệm đó đan kết những người được phỏng vấn, các quan chức chính phủ, các nghiên cứu sinh, giáo sư tạo nên niềm tin cần thiết để bắt tay vào nghiên cứu điền dã một cách an toàn và có thể thực hiện được.

Tóm lại, các tác giả trong số tạp chí đặc biệt này nhấn mạnh những cách tiếp cận mà có thể tiến hành có được những giấy phép cần thiết và đầu đủ để làm việc ở những vùng thường bị coi là nhạy cảm và với những người canh gác khác nhau mà người ta có thể gặp và cần đề thương thảo nhằm có được cách tiếp cận với các tiếng nói của người dân tộc. Hơn thế nữa, chúng ta chú ý tới các vấn đề đạo đức liên quan đến việc hoàn thành nghiên cứu điền dã với những dân tộc mà thường bị các thành viên của tộc người có ưu thế hiểu lầm. Là một dân tộc thiểu số, họ đóng vai trò quyết định trong cuộc sống hàng ngày của mọi người, ảnh hưởng trực tiếp đến mối quan hệ xã hội, thực hành văn hóa và quyền lực chính trị. Thông qua đó, các tác giả nhấn mạnh quan điểm phản thân mà tất cả chúng ta cần có trong khi quan tâm đến các vị trí xã hội, kinh tế và chính trị mà những người được phỏng vấn đã được đặt vào và những tính cách cá nhân khác nhau. Như vậy, với hy vọng là số tạp chí đặc biệt này có thể chuẩn bị và thông báo cho những người mong muốn nghiên cứu với các dân tộc thiểu số ở vùng cao Trung Quốc, Việt Nam và Lào. Trong khi một số vấn đề quan tâm, tình thế khó xử và những giải pháp phát sinh ở đây sẽ có âm hưởng tới những người nghiên cứu điền dã ở bất cứ đâu ở Bán Cầu Bắc, có những yếu tố độc đáo của việc nghiên cứu điền dã với các dân tộc thiểu số của các vùng xã hội chủ nghĩa này. Các tác giả hy vọng là những độc giả nghiên cứu ở những vùng này sẽ tìm thấy bài viết giá trị, mặc dù hoặc có lẽ bởi vì có những thách thức giống như chúng tôi đã gặp phải.

Lời cảm ơn tới số tạp chí đặc biệt này nói chung và bài viết này

Steeve Daviau và tôi muốn cảm ơn 4 người phản biện kín đã giúp chúng tôi trong số tạp chí này, cung cấp những tác giả với những lời nhận xét chi tiết và mang tính xây dựng. Chúng tôi cũng muốn cảm ơn sự hỗ trợ nghiên cứu của Stephanie Coen (UBC) và Bernard Huber, Lindsay Long, Karen McAllister và Thomas Kettig (McGill). Tôi xin cảm ơn Stéphane Gros, Jean Michaud và Janine Wiles vì những nhận xét sâu sắc của họ về bản thảo của bài viết này.

Tài liệu tham khảo

- Ayi, B., S. Harrell and M. Lunzy (co-authors) (2007) *Fieldwork connections. The fabric of ethnographic collaboration in China and America*. Seattle, Washington: University of Washington Press.
- Berdahl, D., M. Bunzl and M. Lampland (2000) *Altering states: Ethnographies of transition in Eastern Europe and the Former Soviet Union*. Ann Arbor, Michigan: University of Michigan Press.
- Berg, B.L. (2007) *Qualitative research methods for the social sciences*. New York: Pearson Education.
- Bertrand, D. (1994) Viêt Nam 1993: Notes sur des conditions de terrain, *Péninsule* 25(28): 71– 77.
- Bönker, F., K. Müller and A. Pickel (eds) (2002) *Postcommunist transformation and the social sciences: Crossdisciplinary approaches*. Lanham, Maryland, Oxford: Rowman and Littlefield.
- Boyd, W.E., R.L. Healey, S.W. Hardwick *et al.* (2008) ‘None of us sets out to hurt people’: The ethical geographer and geography curricula in higher education, *Journal of Geography in Higher Education* 32(1): 37–50.
- Burawoy, M. and K. Verdery (1999) *Uncertain transition: Ethnographies of change in the postsocialist world*. Lanham, Maryland: Rowman and Littlefield.
- Caldwell, M.L. (2005) Newness and loss in Moscow: Rethinking transformation in the postsocialist field, *Journal of the Society for the Anthropology of Europe* 5(1): 2–7.
- Campbell, L.M., N.J. Gray, Z.A. Meletis, J.G. Abbott and J.J. Silver (2006) Gatekeepers and keymasters: Dynamic relationships of access in geographical fieldwork, *Geographical Review* 96(1): 97–121.
- Chari, S. and K. Verdery (2009) Thinking between the posts: Postcolonialism, postsocialism, and ethnography after the Cold War, *Comparative Studies in Society and History* 51(1): 1–29.
- Curran, D.J. and S. Cook (1993) Doing research in post-Tiananmen China, in C.M. Renzetti and R.M. Lee (eds), *Researching sensitive topics*, pp. 71–81. Newbury Park, California: Sage Publications.
- De Soto, H.G. and N. Dudwick (2000) *Fieldwork dilemmas: Anthropologists in postsocialist states*. Madison, Wisconsin: University of Wisconsin Press.
- Duncan, N. and J.P. Sharp (1993) Confronting representation(s), *Environment and Planning D: Society and Space* 11(4): 473–486.
- Enfield, N.J. (2010) Language and culture in Laos: An agenda for research, *The Journal of Lao Studies* 1(1): 48–54.

- England, K. (1994) Getting personal – Reflexivity, positionality, and feminist research, *Professional Geographer* 46(1): 80–89.
- Fforde, A. (1996) *Vietnam – A transitional society? Comparisons with China*. Canberra: Research School of Pacific and Asian Studies, Australian National University.
- Fiskesjö, M. (2010) Participant intoxication and self-other dynamics in the Wa context, *The Asia Pacific Journal of Anthropology* 11(2): 111–127.
- Forbes, D. (1996) *Asian metropolis: Urbanisation and the Southeast Asian city*. Melbourne: Oxford University Press.
- Gladney, D.C. (2004) Ethnic identity in China: The rising politics of cultural difference, in S.J. Henders and M. Lanham (eds), *Democratization and identity. Regimes and ethnicity in East and Southeast Asia*, pp. 133–152. Oxford: Lexington Books.
- Gold, L. (2002) Positionality, worldview and geographical research: A personal account of a research journey, *Ethics, Place and Environment* 5(3): 223–237.
- Goudineau, Y. (2000) Ethnicité et déterritorialisation dans la péninsule indochinoise: Considérations à partir du Laos, *Autrepart* 14: 17–31.
- Guillemin, M. and L. Gilliam (2004) Ethics, reflexivity, and ‘ethically important moments’, *Research Qualitative Inquiry* 10(2): 261–280.
- Hann, C.M. (ed.) (2002) *Postsocialism: Ideas, ideologies and practices in Eurasia*. London, New York: Routledge.
- Hann, C.M. (2005) Postsocialist societies, in J.G. Carrier (ed.), *A handbook of economic anthropology*, pp. 547–558. Cheltenham, UK, Northampton, Massachusetts: Edward Elgar.
- Hann, C.M., C. Humphrey and K. Verdery (2002) Introduction: Postsocialism as a topic for anthropology investigation, in C.M. Hann (ed.), *Postsocialism: Ideas, ideologies and practices in Eurasia*, pp. 1–29. London, New York: Routledge.
- Hansen, M.H. (2006) In the footsteps of the communist party: Dilemmas and strategies, in M. Heimer and S. Thøgersen (eds), *Doing fieldwork in China*, pp. 81–95. Honolulu: University of Hawai’i Press.
- Haraway, D. (1996) Situated knowledges: The science question in feminism and the privilege of partial perspective, in J. Agnew, D. Livingstone and A. Rogers (eds), *Human geography. An essential anthology*, pp. 108–128. Oxford: Blackwell.
- Harding, S. (1991) *Whose science? Whose knowledge?* Ithaca, New York: Cornell University Press.
- Harrell, S. (2007) A white guy discovers anthropology, in B. Ayi, S. Harrell and M. Lunzy (co-writers), *Fieldwork connections. The fabric of ethnographic*

- collaboration in China and America*, pp. 23–28. Seattle, Washington: University of Washington Press.
- Hay, I. (1998) Making moral imaginations. Research ethics, pedagogy, and professional human geography, *Ethics, Place and Environment* 1(1): 55–75.
- Hay, I. (2000) *Qualitative research methods in human geography*. Oxford: Oxford University Press.
- Head, E. (2009) The ethics and implications of paying participants in qualitative research, *International Journal of Social Research Methodology* 12(4): 335–344.
- Heimer, M. and S. Thøgersen (eds) (2006) *Doing fieldwork in China*. Honolulu: University of Hawai'i Press.
- Heller, E., J. Christensen, L. Long *et al.* (2010) Dear diary: Early career geographers collectively reflect on their qualitative field research experiences, *Journal of Geography in Higher Education* (in press).
- Herrold, M. (1999) The cranes of Caohai and other incidents of fieldwork in Southwestern China, *Geographical Review* 89(3): 440–448.
- Hopkins, P.E. (2007) Global events, national politics, local lives: Young Muslim men in Scotland, *Environment and Planning A* 39(5): 1119–1133.
- Hörschelmann, K. and A. Stenning (2008) Ethnographies of postsocialist change, *Progress in Human Geography* 32(3): 339–361.
- Humphrey, C. and R. Mandel (2002) The market in everyday life: Ethnographies of postsocialism, in R. Mandel and C. Humphrey (eds), *Markets and moralities: Ethnographies of postsocialism*, pp. 1–18. Oxford, New York: Berg.
- Katz, C. (1994) Playing the field: Questions of fieldwork in ethnography, *Professional Geographer* 46(1): 67–72.
- Keith, M. (1992) Angry writing: (Re)presenting the unethical world of the ethnographer, *Environment and Planning D: Society and Space* 10(5): 551–568.
- Kerkvliet, B.J. (1995) Village-state relations in Vietnam: The effect of everyday politics on decollectivization, *The Journal of Asian Studies* 54(2): 396–418.
- Kobayashi, A. (1994) Coloring the field – Gender, race, and the politics of fieldwork, *Professional Geographer* 46(1): 73–80.
- Koh, P. (2002) *Perception and portrayal of minorities in Vietnamese communist ethnology (1954–2001)*. Unpublished MA thesis, Department of History, National University of Singapore.
- Kuehnast, K. (2000) Ethnographic encounters in post-Soviet Kyrgyzstan, in H. DeSoto and N. Dudwick (eds), *Fieldwork dilemmas: Anthropologists in postsocialist states*, pp. 100–118. Madison, Wisconsin: University of Wisconsin Press.

- Kürti, L. (1999) Cameras and other gadgets: Reflections on fieldwork experiences in socialist and post-socialist Hungarian communities, *Social Anthropology* 7(2): 169–187.
- Kürti, L. (2000) Uncertain anthropology: Ethnography of postsocialist Eastern Europe. A review article, *Ethnos* 65(3): 405–420.
- Liang, B. and H. Lu (2006) Conducting fieldwork in China: Observations on collecting primary data regarding crime, law, and the criminal justice system, *Journal of Contemporary Criminal Justice* 22(2): 157–172.
- McDowell, L. (1992) Doing gender: Feminism, feminists and research methods in human geography, *Transactions of the Institute of British Geographers* 17: 337–350.
- McElwee, P. (2004) Becoming socialist or becoming Kinh? Government policies for ethnic minorities in the socialist republic of Viet Nam, in C.R. Duncan (ed.), *Civilizing the margins. Southeast Asian Government Policies for the development of minorities*, pp. 182–213. Ithaca, New York: Cornell University Press.
- MacKerras, C. (2003) Ethnic minorities in China, in C. MacKerras (ed.), *Ethnicity in Asia*, pp. 15–47. London: Routledge Curzon.
- Madge, C. (1994) The ethics of research in the ‘Third World’, in E. Robson and K. Willis (eds), *Postgraduate fieldwork in developing areas: A rough guide*, pp. 91–102. London: Institute of British Geographers.
- Marr, D.G. (1993) Education, research and information circulation in contemporary Vietnam, in W. Turley and M. Selden (eds), *Reinventing Vietnamese socialism: Doi Moi in Comparative perspective*, pp. 337–358. Boulder, Colorado: Westview Press.
- Michalowski, R.J. (2006) Ethnography and anxiety: Field work and reflexivity in the vortex of U.S.-Cuban relations, *Qualitative Sociology* 19(1): 59–82.
- Michaud, J. (2006) *Historical dictionary. Peoples of the Southeast Asian massif*. Lanham, Maryland: Scarecrow Press.
- Michaud, J. (2009) Handling mountain minorities in China, Vietnam and Laos: From history to current concerns, *Asian Ethnicity* 10(1): 25–49.
- Michaud, J. (2010) Zomia and beyond, *Journal of Global History* 5(2): 187–214. (Special issue)
- Mohanty, C.T. (1988) Under western eyes: Feminist scholarship and colonial discourses, *Feminist Review* 30(1): 61–88.
- Moss, P. (1995) Embeddedness in practice, numbers in context: The politics of knowing and doing, *Professional Geographer* 47(4): 442–449.
- Mueggler, E. (2001) *The age of wild ghosts. Memory, violence, and place in Southwest China*. Berkeley, California: University of California Press.

- Muršič, R. (2002) In the arms of the sublime objects of desire: On politics and anthropology/ethnology in Slovenia, in P. Skalník (ed.), *A post-communist millennium: The struggles for sociocultural anthropology in Central and Eastern Europe*, pp. 147–165. Prague: Set Out.
- Nast, H.J. (1994) Opening remarks on ‘women in the field’, *Professional Geographer* 46(1): 54–66.
- National Statistics Centre (Laos) (2005) *Population census 2005*. Vientiane: National Statistics Centre.
- Ovesen, J. (2004) All Lao? Minorities in the Lao People’s Democratic Republic, in C.R. Duncan (ed.), *Civilizing the margins. Southeast Asian Government Policies for the development of minorities*, pp. 214–241. Ithaca, New York: Cornell University Press.
- Pieke, F. (2000) Serendipity: Reflections on fieldwork in China, in P. Dresch, W. James and D.J. Parkin (eds), *Anthropologists in a wider world: Essays on field research*, pp. 129–150. New York, Oxford: Berghahn Books.
- Probyn, E. (1993) *Sexing the self. Gendered positions in cultural studies*. London, New York: Routledge.
- Radcliffe, S. (1994) (Representing) post-colonial women: Authority, difference and feminisms, *Area* 26(1): 25–32.
- Reid-Henry, S. (2003) Under the microscope. Fieldwork practice and Cuba’s biotechnology industry: A reflexive affair? *Singapore Journal of Tropical Geography* 24(2): 184–197.
- Rofel, L. (1993) Where feminism lies: Field encounters in China, *Frontiers: A Journal of Women Studies* 13(3): 33–52.
- Rose, G. (1997) Situating knowledges: Positionality, reflexivities and other tactics, *Progress in Human Geography* 21(3): 305–320.
- Schoenberger, L. (2006) *Crossing the line: The changing nature of highlander cross-border trade in Northern Vietnam*. Unpublished Masters’ thesis, Department of Geography, McGill University, Montreal.
- Scoggin, M. (1994) Gaining Entrée: 101 ways to knock on your subject’s door, *China Exchange News* 22(3): 22–25.
- Scott, J.C. (2009) *The art of not being governed. An anarchist history of upland Southeast Asia*. New Haven, Connecticut, London: Yale University Press.
- Scott, S., F. Miller and K. Lloyd (2006) Doing fieldwork in development geography: Research culture and research spaces in Vietnam, *Geographical Research* 44(1): 28–40.

- Skidmore, M. (2006) Scholarship, advocacy and the politics of engagement in Burma (Myanmar), in V. Sanford and A. Angel-Ajani (eds), *Engaged observers, anthropology, advocacy and activism*, pp. 42–59. New Brunswick, New Jersey, London: Rutgers University Press.
- Smith, J.N. (2006) Maintaining margins: The politics of ethnographic fieldwork in Chinese central asia, *The China Journal* 56: 131.
- Solinger, D.J. (2006) Interviewing Chinese people: From high-level officials to the unemployed, in M. Heimer and S. Thøgersen (eds), *Doing fieldwork in China*, pp. 153–167. Honolulu: University of Hawai'i Press.
- Sowerwine, J.C. (2004) *The political ecology of Yao (Dzao) landscape transformations: Territory, gender and livelihood politics in highland Vietnam*. Unpublished PhD thesis, Department of Wildlife Resource Sciences, University of California, Berkeley.
- Stuart-Fox, M. (1991) The constitution of the Lao People's Democratic Republic, *Review of Socialist Law* 17(4): 299–317.
- Svensson, M. (2006) Ethical dilemmas: Balancing distance with involvement, in M. Heimer and S. Thøgersen (eds), *Doing fieldwork in China*, pp. 262–282. Honolulu: University of Hawai'i Press.
- Thurston, A.F. (1983) The social sciences and fieldwork in China, in A.F. Thurston and B. Pasternak (eds), *The social sciences and fieldwork in China: Views from the field*, pp. 3–36. Boulder, Colorado: Westview Press. Thurston, A.F. and B. Pasternak (eds) (1983) *The social sciences and fieldwork in China: Views from the field*. Boulder, Colorado: Westview Press.
- Valentine, G. (2002) People like us: Negotiating sameness and difference in the research process, in P. Moss (ed.), *Feminist geography in practice: Research and methods*, pp. 116–132. Oxford: Blackwell Publishers.
- van de Walle, D. and D. Gunewardena (2001) Sources of ethnic inequality in Viet Nam, *Journal of Development Economics* 65: 177–207.
- van Schendel, W. (2002) Geographies of knowing, geographies of ignorance: Southeast Asia from the fringes, *Environment and Planning D: Society and Space* 20(6): 647–668.
- Vandergeest, P., K. Phanvilay, Y. Fujita *et al.* (2003) Flexible networking in research capacity building at the National University of Laos: Lessons for north-south collaboration, *Canadian Journal of Development Studies* 24(1): 119–135.
- Wolf, D.L. (1996) *Feminist dilemmas in fieldwork*. Boulder, Colorado: Westview Press.
- Wolfe, T.C. (2000) Cultures and communities in the anthropology of Eastern Europe and the Former Soviet Union, *Annual Review of Anthropology* 29: 195–216.

Yeh, E.T. (2006) ‘An open Lhasa welcomes you’: Disciplining the researcher in Tibet, in M. Heimer and S. Thøgersen (eds), *Doing fieldwork in China*, pp. 96–109. Honolulu: University of Hawai’i Press.

Chú thích

¹ Bìn Liang và Lu (2006) cũng cung cấp những phỏng vấn thú vị về tình thế khó xử khi tiến hành nghiên cứu điền dã về tội phạm ở Trung Quốc, được tiếp cận từ quan điểm học thuật của Mỹ.

² Những tuyển tập hay về hậu xã hội chủ nghĩa, mặc dù những tập sách này phản ánh ít hơn về điều kiện nghiên cứu điền dã, gồm sách của Burawoy và Verdery (1999), Berdahl và *những tác giả khác*. (2000), Kuehnast (2000), Bönker và *những tác giả khác* (2002) và Hann (2002), hay những bài viết hoặc những chương trong sách của Kürti (1999, 2000), Wolfe (2000), Humphrey và Mandel (2002), Muršić (2002), Caldwell (2005), Hann (2005) và Chari và Verdery (2009). Bài viết về Cu Ba phản ánh mối quan tâm nghiên cứu điền dã bao gồm Reid-Henry (2003) và Michalowski (2006).

³ Xem van Schendel (2002), Scott (2009) và Michaud (2010) về những tranh luận gần đây về thuật ngữ ở vùng này, cũng xem thuật ngữ của van Schendel và Scott cho là ‘Zomia’, mặc cho tên gọi mà họ sử dụng để mô tả vùng đất khác nhau và dân số sống ở đó.

⁴ Để xem sự phát triển trong lịch sử của các chính sách đối với các dân tộc thiểu số ở một trong ba nước này, xem Michaud (2009). Đối với Trung Quốc, xem Gladney (2004); Việt Nam xem McElwee (2004); và Lào xem Ovesen (2004).

⁵ Những người viết đầu tiên về lĩnh vực này bao gồm Mohanty (1988), Harding (1991), Keith (1992), Duncan và Sharp (1993), Probyn (1993), England (1994), Kobayashi (1994), Madge (1994), Nast (1994), Haraway (1996), Wolf (1996). Từ những năm đầu của những năm 90 của thế kỷ XX, nhiều bài viết liên quan tiếp tục được viết và tôi không liệt kê hết tất cả ở đây.

⁶ Ví dụ, tôi đã từng bị giữ lại trong vòng 2 giờ ở phòng phía sau và đồ đạc của tôi bị kiểm tra kỹ càng khi vào Việt Nam không biết vì lý do gì mà tôi có thể hiểu được. Sau này, tôi nghe thấy là hoạt động truyền đạo của Mỹ gần đây ở vùng Tây Nguyên Việt Nam và chính phủ không tán thành. Tôi có thể chỉ phỏng đoán rằng có thể những cán bộ hải quan ở sân bay được thông báo là xem xét những người đến thường xuyên từ một số nước.

⁷ Skidmore (2006) làm việc ở Miền Điện, đưa ra một số những vấn đề đạo đức liên quan bao gồm cả sự an toàn của những người cung cấp thông tin sau khi bà dời đất nước với các số liệu nghiên cứu. Những phỏng vấn của bà đặc biệt là đáng lo lắng, vì rằng bà sẽ viết ra thế nào. Bà ghi chú rằng một số hội thoại ghi âm mà những người cung cấp thông tin tự thu và bà thu có được biện pháp an toàn.